TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MCB** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-6-2025
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MCB, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hiếu Trung

Ông Nguyễn Chí Hữu

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 31/2025/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2025/QĐST-DS ngày 12/5/2025 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn : Bà Võ Thị Hồng Gấm E, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp TB1, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú : ấp 1, Tổ M, xã TN, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

*Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1982
Địa chỉ: ấp TB1, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

(Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Hồng Gấm E trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre vào ngày 13/3/2006. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 6/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 06/2024 cho đến nay. Bà nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Bà có đơn yêu cầu Tòa án giải

quyết vắng mặt, do hiện nay bà sống ở nhà cha mẹ ruột ở xã TN, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 13/3/2006 và Nguyễn Duy T, sinh ngày 20/01/2012. Sau khi ly hôn, bà E yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, bà E yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Duy T mỗi tháng 1.000.000đồng.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà E khai không có.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày: Về quá trình tạo lập hôn nhân như bà E trình bày là đúng. Vợ chồng ông có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 13/3/2006 và Nguyễn Duy T, sinh ngày 20/01/2012. Quá trình chung sống vợ chồng ông có mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân mâu thuẫn theo ông H trình bày do bà E đi chơi về có uống rượu nên vợ chồng có cự cải qua lại với nhau, bà E đã dẫn con bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống ở tỉnh Đồng Tháp từ tháng 8/2024 cho đến nay không về nhà. Ông không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ con, tuy nhiên nếu Tòa án cho ly hôn thì ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/tháng theo yêu cầu bà E.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Hồng Gấm E; về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 13/3/2006 và Nguyễn Duy T, sinh ngày 20/01/2012. Sau khi ly hôn, bà E yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, bà E yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Duy T mỗi tháng 1.000.000đồng; về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận nên đề nghị không xem xét giải quyết; Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn hiện đang cư trú tại xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre nên căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Thanh H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều tham dự hòa giải nhưng ông H không đến nên Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre không thể tiến hành hòa giải được. Nguyên đơn bà E có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông H được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hai lần nhưng không đến không vì sự kiện bất khả kháng hoặc lý do khách quan. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà E và ông H là đúng quy định.

[3] Về hôn nhân: Bà Võ Thị Hồng Gấm E và ông Nguyễn Thanh H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre vào ngày 13/3/2006 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn,

thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã ly thân với nhau từ tháng 06/2024 cho đến nay. Nay bà E xác định không còn tình cảm với chồng nên bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Bà E có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà E và ông H thực tế đã xảy ra. Căn cứ theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương UBND xã TTB vào ngày 13/03/2006 cho biết bà E và ông H có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã TTB. Ông H và bà E có 02 người con, ông H thì sinh sống tại địa phương, bà E đi đâu làm gì không rõ. Mâu thuẫn vợ chồng cụ thể như thế nào địa phương không rõ. Hội đồng xét xử xét thấy, bà E về nhà mẹ ruột ở tỉnh Đồng Tháp sống, bà E và ông H đã sống ly thân với nhau được một thời gian dài vẫn không thể hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà E và ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà E.

[4] Về con chung: Vợ chồng bà E và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 13/3/2006 đã trưởng thành và Nguyễn Duy T, sinh ngày 20/01/2012. Sau khi ly hôn, bà E yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng đã ly thân, cháu T sống chung với bà E nên chấp nhận yêu cầu của bà E được tiếp tục nuôi con chung, phù hợp với nguyện vọng của cháu T muốn được sống chung với bà E nếu cha mẹ ly hôn. Bà E yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Duy T mỗi tháng 1.000.000đồng, ông H đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà E khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm nghìn) đồng bà Võ Thị Hồng Gấm E phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Hồng Gấm E cụ thể tuyên:

- *Về hôn nhân*: Bà Võ Thị Hồng Gấm E được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

- *Về con chung*: Bà Võ Thị Hồng Gấm E và ông Nguyễn Thanh H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 13/3/2006 đã trưởng thành và Nguyễn Duy

T, sinh ngày 20/01/2012. Sau khi ly hôn, bà Võ Thị Hồng Gấm E được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung Nguyễn Duy T. Ghi nhận ông Nguyễn Thanh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Duy T mỗi tháng 1.000.000(một triệu) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Ông Nguyễn Thanh H được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Hai bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Võ Thị Hồng Gấm E khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Võ Thị Hồng Gấm E phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006790 ngày 26/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MCB. Bà Võ Thị Hồng Gấm E đã nộp xong tiền án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000(Ba trăm ngàn) đồng, ông Nguyễn Thanh H phải chịu.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện MCB;
- Chi Cục THADS huyện MCB;
- Các đương sự;
- UBND xã TTB;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang